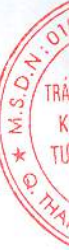


CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ 01/01/2016 ĐẾN 30/06/2016



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đậu Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2016)
Ông Phạm Văn Tạo	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2016)
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Ủy viên
Bà Lê Thị Thu Phương	Ủy viên
Ông Hoàng Thanh Sơn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2016)
Ông Hoàng Đình Khánh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đậu Thảo	Giám đốc
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thân	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Nguyễn Đậu Thảo
Giám đốc

Ngày 04 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 02.08/2016/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04 tháng 08 năm 2016 từ trang 4 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01
Ngày 04 tháng 08 năm 2016



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.240.321.681	60.492.930.491
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		622.117.459	1.922.603.016
1. Tiền	111	V.1	622.117.459	1.922.603.016
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.520.450.900	4.735.698.400
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.314.987.460	5.314.987.460
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(794.536.560)	(579.289.060)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.501.335.222	48.448.757.384
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	22.889.336.887	44.308.668.883
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.435.683	23.435.683
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.535.965.369	5.064.055.535
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(993.126.447)	(993.126.447)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		45.723.730	45.723.730
IV. Hàng tồn kho	140		2.287.328.179	5.266.458.749
1. Hàng tồn kho	141	V.3	2.287.328.179	5.266.458.749
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		309.089.921	119.412.942
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	309.089.921	19.806.942
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	99.606.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.731.912.470	6.530.393.733
I. Tài sản cố định	220		6.565.184.177	6.122.873.716
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.613.184.177	3.170.873.716
- Nguyên giá	222		13.996.325.029	13.360.007.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.383.140.852)	(10.189.134.278)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.952.000.000	2.952.000.000
- Nguyên giá	228		2.952.000.000	2.952.000.000
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	286.154.257
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	-	286.154.257
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000	30.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000	30.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		136.728.293	91.365.760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	136.728.293	91.365.760
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		39.972.234.151	67.023.324.224

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.490.318.776	39.483.554.928
I. Nợ ngắn hạn	310		15.333.938.776	39.454.674.928
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	3.764.862.556	15.593.170.226
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.844.023	586.840.648
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	631.495.714	2.975.691.677
4. Phải trả người lao động	314		1.148.493.805	3.407.623.223
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	644.631.292	1.096.516.976
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		105.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	4.689.097.622	2.440.488.838
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	4.181.684.558	13.318.917.553
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		127.829.206	35.425.787
II. Nợ dài hạn	330		156.380.000	28.880.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		127.500.000	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		28.880.000	28.880.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.481.915.375	27.539.769.296
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	24.481.915.375	27.539.769.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.588.800.000	21.588.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.588.800.000	21.588.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(475.357.950)	(475.357.950)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		684.906.291	684.906.291
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.683.567.034	5.741.420.955
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.430.432.536	50.049.539
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.253.134.498	5.691.371.416
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		39.972.234.151	67.023.324.224

Nguyễn Đậu Thảo

Giám đốc

Ngày 04 tháng 08 năm 2016



Hoàng Đình Khánh

Kế toán trưởng

Hoàng Đình Khánh

Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

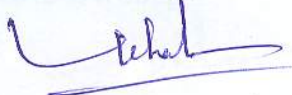
MẪU SỐ B 02a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9.313.454.579	15.908.249.132
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.313.454.579	15.908.249.132
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.356.383.884	12.608.846.595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.957.070.695	3.299.402.537
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	736.505	264.433.241
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	649.354.816	(261.564.800)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		446.691.840	314.087.500
8. Chi phí bán hàng	25		2.259.000	969.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.107.624.510	1.522.774.677
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.198.568.874	2.301.656.901
11. Thu nhập khác	31	VI.5	373.852.475	88.419
12. Chi phí khác	32		2.480.420	6.857.012
13. Lợi nhuận khác	40		371.372.055	(6.768.593)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.569.940.929	2.294.888.308
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	316.806.431	447.313.605
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.253.134.498	1.847.574.703
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	585	863
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		585	863

Hoàng Đình Khánh
 Người lập biểu
 Ngày 04 tháng 08 năm 2016



Hoàng Đình Khánh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đạ Thảo
 Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

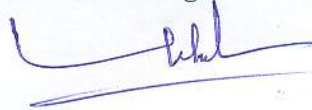
MẪU SỐ B 03a-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	31.382.740.592	19.760.523.389
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(19.068.746.647)	(16.198.119.310)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.640.984.989)	(2.095.526.229)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(446.691.840)	(314.087.500)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.017.000.000)	(657.387.905)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.503.647.074	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(876.953.257)	(1.442.192.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.836.010.933	(946.790.180)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.898.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	736.505	264.433.241
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	736.505	(1.633.566.759)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	18.438.667.615	17.398.218.667
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.575.900.610)	(13.669.388.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.137.232.995)	3.728.830.367
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.300.485.557)	1.148.473.428
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.922.603.016	940.523.665
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	622.117.459	2.088.997.093

Hoàng Đình Khánh
 Người lập biểu
 Ngày 04 tháng 08 năm 2016



Hoàng Đình Khánh
 Kế toán trưởng




Nguyễn Đậu Thảo
 Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng điện và vật tư thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.2 theo Quyết định số 159/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900559122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 06 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 21.588.800.000 đồng (Hai mươi một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, tám trăm ngàn đồng), tổng số cổ phần là 2.158.880 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn pháp định là 6 tỷ đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu xây dựng (gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic), các sản phẩm bê tông;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic);
- Sản xuất các sản phẩm bê tông;
- Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật tư, thiết bị điện;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản (nhà, đất);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện;
- Tư vấn lập dự án, thẩm tra dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 54 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 65 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Tài sản khác	05

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	74.501.427	814.222
Tiền gửi ngân hàng	547.616.032	1.921.788.794
Cộng	622.117.459	1.922.603.016

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016
đến 30/06/2016

MẪU B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2016			01/01/2016		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	197.310	2.767.118.460	774.287.460	197.310	2.767.118.460	557.246.460
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Điện VNECO 9	3.587	47.869.000	20.249.100	3.587	47.869.000	22.042.600
Công ty Cổ phần Sông Ba	262.500	2.500.000.000	-	262.500	2.500.000.000	-
Cộng		5.314.987.460	794.536.560		5.314.987.460	579.289.060

3. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	144.921.358	-	150.782.358	-
Công cụ, dụng cụ	64.688.635	-	21.000.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.201.753.437	-	4.170.728.169	-
Thành phẩm	875.964.749	-	923.948.222	-
Cộng	2.287.328.179	-	5.266.458.749	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	19.563.364.141	41.251.751.268
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.325.972.746	3.056.917.615
Cộng	22.889.336.887	44.308.668.883
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	19.563.364.141	41.251.751.268
Cộng	19.563.364.141	41.251.751.268

5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu tạm ứng xây lắp nội bộ	3.055.326.467	3.933.113.233
Ký cược, ký quỹ	-	456.000.000
Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	480.638.902	674.942.302
Cộng	3.535.965.369	5.064.055.535

6. Chi phí trả trước

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí văn phòng chờ phân bổ	309.089.921	19.806.942
Cộng	309.089.921	19.806.942
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	136.728.293	91.365.760
Cộng	136.728.293	91.365.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND		Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	3.641.928.654	6.464.057.128	3.219.022.212	35.000.000		13.360.007.994
Đầu tư XDCB hoàn thành	636.317.035	-	-	-		636.317.035
Tại ngày 30/06/2016	4.278.245.689	6.464.057.128	3.219.022.212	35.000.000		13.996.325.029
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	2.746.049.755	6.421.807.128	986.277.395	35.000.000		10.189.134.278
Khấu hao trong kỳ	66.817.664	6.500.000	120.688.910	-		194.006.574
Tại ngày 30/06/2016	2.812.867.419	6.428.307.128	1.106.966.305	35.000.000		10.383.140.852
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	895.878.899	42.250.000	2.232.744.817	-		3.170.873.716
Tại ngày 30/06/2016	1.465.378.270	35.750.000	2.112.055.907	-		3.613.184.177

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã hết khấu hao nhưng doanh nghiệp còn sử dụng là 805.244.030 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 2.112.055.907 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2
 số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu
 thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016
 đến 30/06/2016

MÁU B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 1.800 m² tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Theo Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng quản trị, Công ty đã mua quyền sử dụng lô đất để đầu tư xây dựng kinh doanh du lịch nhà nghỉ tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đậu Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên với tư cách cá nhân tham gia đấu thầu để mua quyền sử dụng lô đất đó. Lô đất hiện mang tên ông Nguyễn Đậu Thảo và vợ là bà Mạnh Thị Bích Thủy. Ngày 09 tháng 7 năm 2010, ông Nguyễn Đậu Thảo và bà Mạnh Thị Bích Thủy đã ủy quyền về quản lý, sử dụng, cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê thừa đất này cho Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Hợp đồng ủy quyền số 0165.2010/HĐUQ với thời hạn ủy quyền là 10 năm. Quyền sử dụng lô đất này hiện đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Sửa chữa văn phòng công ty	-	286.154.257
Cộng	-	286.154.257

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2
 số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu
 thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016
 đến 30/06/2016

MÁU B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp điện VNECO 1	1.281.863.348	1.281.863.348	11.070.935.638	11.070.935.638
Công ty CP Thương mại và Xây lắp Công nghệ An Hưng	257.760.237	257.760.237	1.373.855.412	1.373.855.412
Công ty CP Xây lắp Điện Vneco 12	1.174.702.490	1.174.702.490	1.138.040.767	1.138.040.767
Phải trả cho các đối tượng khác	1.050.536.481	1.050.536.481	2.010.338.409	2.010.338.409
Cộng	3.764.862.556	3.764.862.556	15.593.170.226	15.593.170.226

11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	30/06/2016		Số đã thực		Số đã thực	
	VND	Số phải nộp trong kỳ	VND	Số đã thực	VND	01/01/2016
a. Các khoản phải thu						
Tiền thuê đất	-	-	99.606.000	99.606.000	99.606.000	
Cộng	-	-	99.606.000	99.606.000	99.606.000	
b. Các khoản phải trả						
Thuế giá trị gia tăng	356.972.693	941.845.459	2.743.657.903	2.743.657.903	2.158.785.137	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.712.971	316.806.431	1.017.000.000	1.017.000.000	816.906.540	
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	
Thuế Thu nhập cá nhân	2.947.550	4.972.294	2.024.744	2.024.744	-	
Thuế đất, thuế đất	154.862.500	220.364.252	65.501.752	65.501.752	-	
Cộng	631.495.714	1.486.988.436	3.831.184.399	3.831.184.399	2.975.691.677	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Chi phí phải trả

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình xây lắp	644.631.292	1.083.932.452
Trích trước chi phí lãi vay	-	12.584.524
Cộng	644.631.292	1.096.516.976

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	4.419.726	4.419.726
Kinh phí công đoàn	30.873.794	37.300.634
Bảo hiểm xã hội	14.761.011	39.152.661
Bảo hiểm y tế	-	730.793
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.955.080
Cổ tức phải trả	4.196.160.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	442.883.091	2.354.929.944
Cộng	4.689.097.622	2.440.488.838

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2
 số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu
 thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ hoạt động
 từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
MÁU B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	4.181.684.558	4.181.684.558	18.438.667.615	27.575.900.610	13.318.917.553	13.318.917.553
Tổng	4.181.684.558	4.181.684.558	18.438.667.615	27.575.900.610	13.318.917.553	13.318.917.553

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 107/TDDN-VIN.KHBL ngày 03 tháng 03 năm 2016 với tổng mức dư nợ vay tối đa là 23.000.000.000 đồng. Thời hạn vay của hợp đồng từ ngày 03 tháng 3 năm 2016 đến ngày 29 tháng 9 năm 2016, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể và thay đổi theo thông báo của ngân hàng từng thời điểm. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán chi phí thực hiện các công trình. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp là phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2
 số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu
 thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ hoạt động
 từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
MÀU B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	5.741.420.955	27.539.769.296
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.202.400.743	1.202.400.743
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(4.196.160.000)	(4.196.160.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(114.828.419)	(114.828.419)
Số dư tại ngày 30/06/2016	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	2.632.833.279	24.431.181.620

(*) Tại ngày 23 tháng 04 năm 2016, theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016 quyết định phân phối lợi nhuận như sau: trả cổ tức năm 2014 bằng tiền theo tỷ lệ 20% vốn điều lệ với số tiền là 4.196.160.000 đồng, và phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 2% lợi nhuận với số tiền là 114.828.419 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

b. **Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.158.880	2.158.880
+ Cổ phần thường	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phần được mua lại	60.800	60.800
+ Cổ phần thường	60.800	60.800
Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.098.080	2.098.080
+ Cổ phần thường	2.098.080	2.098.080
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.		

16. **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây dựng và bộ phận bán thành phẩm gạch, cho thuê mặt bằng. Tuy nhiên, doanh thu của bộ phận bán thành phẩm gạch và cho thuê mặt bằng chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả Công ty (chi tiết trong thuyết minh số VI.1 và VI.2). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu xây lắp	8.926.681.672	15.855.507.132
Doanh thu bán thành phẩm	56.772.907	52.742.000
Doanh thu cho thuê mặt bằng	330.000.000	-
Cộng	9.313.454.579	15.908.249.132

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn xây lắp	6.286.147.290	12.567.234.160
Giá vốn bán thành phẩm	38.420.742	41.612.435
Giá vốn cho thuê mặt bằng	31.815.852	-
Cộng	6.356.383.884	12.608.846.595

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	736.505	1.933.241
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	262.500.000
Cộng	736.505	264.433.241

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền vay	446.691.840	314.087.500
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	202.662.976	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(575.652.300)
Cộng	649.354.816	(261.564.800)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu nhập từ bồi thường giải phóng mặt bằng	277.995.000	-
Thu nhập khác	95.857.475	88.419
Cộng	373.852.475	88.419

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.569.940.929	2.294.888.308
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	14.091.226	855.351
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>14.091.226</i>	<i>855.351</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	262.500.000
<i>Cổ tức được nhận</i>	<i>-</i>	<i>262.500.000</i>
Thu nhập chịu thuế	1.584.032.155	2.033.243.659
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	316.806.431	447.313.605
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	316.806.431	447.313.605

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.253.134.498	1.847.574.703
(i)	25.062.690	36.951.494
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.098.080	2.098.080
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	585	863

(i) Theo hướng dẫn trình bày chỉ tiêu “mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả kinh doanh của thông tư 200, phần “Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu” được tính bằng “Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” trừ (-) “Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế”. Đây là hướng dẫn mới của thông tư 200 nên số liệu của kỳ so sánh 6 tháng đầu năm 2015 được trình bày lại để so sánh với kỳ 6 tháng đầu năm 2016 được hợp lý hơn và không mang tính chất Hồi tố số liệu Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

	Số báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.847.574.703	-	1.847.574.703
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	36.951.494	36.951.494
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.098.080	-	2.098.080
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	881		863

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	366.023.207	1.648.169.905
Chi phí nhân công	958.204.192	4.168.375.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	194.006.574	84.346.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.187.972.805	9.633.515.793
Chi phí khác bằng tiền	720.628.008	623.419.779
Cộng	3.426.834.786	16.157.827.069

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	4.181.684.558	13.318.917.553
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	622.117.459	1.922.603.016
Nợ thuần	3.559.567.099	11.396.314.537
Vốn chủ sở hữu	24.481.915.375	27.539.769.296
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	14,54%	41,38%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	622.117.459	1.922.603.016
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.432.175.809	45.337.817.359
Đầu tư ngắn hạn	4.520.450.900	4.735.698.400
Đầu tư dài hạn	30.000.000	30.000.000
Cộng	30.604.744.168	52.482.118.775
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	4.181.684.558	13.318.917.553
Phải trả người bán và phải trả khác	7.899.938.443	17.479.637.329
Chi phí phải trả	644.631.292	1.096.516.976
Cộng	12.726.254.293	31.895.071.858

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2016			
Tiền	622.117.459	-	622.117.459
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.432.175.809	-	25.432.175.809
Đầu tư ngắn hạn	4.520.450.900	-	4.520.450.900
Đầu tư dài hạn	-	30.000.000	30.000.000
Cộng	30.574.744.168	30.000.000	30.604.744.168
30/06/2016			
Các khoản vay	4.181.684.558	-	4.181.684.558
Phải trả người bán và phải trả khác	7.899.938.443	-	7.899.938.443
Chi phí phải trả	644.631.292	-	644.631.292
Cộng	12.726.254.293	-	12.726.254.293
Chênh lệch thanh khoản thuần	17.848.489.875	30.000.000	17.878.489.875
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2016			
Tiền	1.922.603.016	-	1.922.603.016
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.337.817.359	-	45.337.817.359
Đầu tư ngắn hạn	4.735.698.400	-	4.735.698.400
Đầu tư dài hạn	-	30.000.000	30.000.000
Cộng	51.996.118.775	30.000.000	52.026.118.775
01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	17.479.637.329	-	17.479.637.329
Chi phí phải trả	1.096.516.976	-	1.096.516.976
Các khoản vay	13.318.917.553	-	13.318.917.553
Cộng	31.895.071.858	-	31.895.071.858
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.101.046.917	30.000.000	20.131.046.917

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam

Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Bán hàng	8.926.681.672	15.406.005.210
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	8.926.681.672	15.406.005.210

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	19.563.364.141	41.251.751.268
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	-	382.708.949
Các khoản người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	-	70.000.000
Các khoản phải thu khác		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	480.638.902	674.942.302

Thu nhập Ban Giám đốc

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lương	465.881.215	502.760.523
Cộng	<u>465.881.215</u>	<u>502.760.523</u>

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

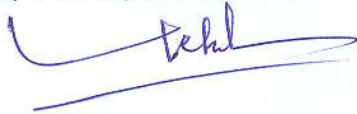
4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét.

Hoàng Đình Khánh

Người lập biểu

Ngày 04 tháng 08 năm 2016



Hoàng Đình Khánh

Kế toán trưởng



Nguyễn Đâu Thảo

Giám đốc

